

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HÀ, TỈNH QUẢNG NINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vương Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Tuấn Phương.

2. Ông Phạm Văn Kha.

Căn cứ vào khoản 4 điều 147, các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 8 điều 26, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 17/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:⁽⁴⁾

- Nguyên đơn: chị Đỗ Thị Bích L, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: khu H, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.

- Bị đơn: anh Nguyễn Quỳnh T, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: khu H, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:⁽⁵⁾

- Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị Bích L và anh Nguyễn Quỳnh T.

- Về con chung: chị Đỗ Thị Bích L và anh Nguyễn Quỳnh T có 01 con chung là Nguyễn Quỳnh Bảo A, sinh ngày: 29/11/2022. Nay ly hôn, chị L sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung là Nguyễn Quỳnh Bảo A kể từ tháng 7 năm 2023

đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Quỳnh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị Đỗ Thị Bích L và anh Nguyễn Quỳnh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về án phí Tòa án: chị Đỗ Thị Bích L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, Chị Đỗ Thị Bích L đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0013632 ngày 04/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh.
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND huyện Hải Hà;
- Chi cục THADS huyện Hải Hà;
- UBND TT Q, huyện H.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Thanh

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 56/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thỏa thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hòa giải thành (kể cả án phí).
- (6) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

Nơi nhận: - Ghi theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự; - Lưu hồ sơ vụ án.	TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA <i>(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</i>
---	---

8. Trường hợp các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm thì các đương sự vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như trường hợp xét xử vụ án đó. Trường hợp các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa xét xử theo thủ tục rút gọn quy định tại khoản 3 Điều 320 của Bộ luật tố tụng dân sự thì các đương sự phải chịu 50% án phí giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn.

5. Đối với vụ án hôn nhân và gia đình thì nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định như sau:

a) Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Trường hợp thuận tình ly hôn thì mỗi bên đương sự phải chịu 50% mức án phí;